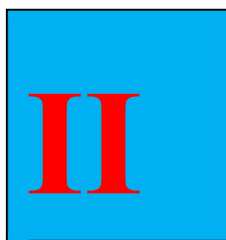


CHƯƠNG



BÀI 8: NHÂN VỚI SỐ CÓ MỘT CHỮ SỐ
TÍNH CHẤT CỦA PHÉP NHÂN
NHÂN VÀ CHIA VỚI 10, 100, 1000 ...

A. BÀI TẬP CƠ BẢN:**Bài 139:** Đặt rồi tính:

- | | |
|----------------------|-----------------------|
| 1) 11047×2 | 2) 24986×4 |
| 3) 101780×6 | 4) 410370×3 |
| 5) 95640×7 | 6) 304500×3 |
| 7) 211210×8 | 8) 501501×5 |
| 9) 42401×9 | 10) 111222×7 |

Bài 140: Đặt rồi tính:

- | | |
|-------------------------------|--------------------------------|
| 1) $224860 + 102487 \times 5$ | 2) $4567 + 45427 \times 4$ |
| 3) $997640 - 264572 \times 3$ | 4) $1045 \times 9 + 9976$ |
| 5) $708 \times 9 - 2467$ | 6) $764787 - 102345 \times 5$ |
| 7) $104378 \times 5 - 445000$ | 8) $210456 \times 4 - 561725$ |
| 9) $231310 \times 4 - 231470$ | 10) $496470 - 107650 \times 2$ |

Bài 141: Chọn câu đúng:1) Kết quả của phép tính 24758×4 là:

- A.** 99022 **B.** **C.** 98032 **D.** 99032

2) $2478 \times 7 = 7 \times \dots$

Số thích hợp điền vào chỗ chấm là:

- A.** 247 **B.** 2478 **C.** 724 **D.** 278

3) $18 \times 100 = \dots$

Số thích hợp điền vào chỗ chấm là:

- A.** 1800 **B.** 180 **C.** 18 **D.** 18000

4) $(2 \times 3) \times 4 = (3 \times 4) \times \dots$

Số thích hợp điền vào chỗ chấm là:

- A.** 4 **B.** 2 **C.** 3 **D.** 8

Bài 142: Tính bằng cách hợp lý:

- | | |
|-----------------------------------|------------------------------------|
| 1) $112 \times 5 \times 2$ | 2) $2 \times 247 \times 5$ |
| 3) $2 \times 4 \times 3 \times 5$ | 4) $20 \times 7 \times 5 \times 8$ |
| 5) $25 \times 35 \times 4$ | 6) $47 \times 7 + 47 \times 3$ |

Có công mài sắt có ngày nên kim.

7) $5 \times 7 \times 9 \times 2$

8) $125 \times 9 \times 7 \times 8$

9) $4 \times 97 \times 98$

10) $8 \times 9 \times 10$

11) $240 \times 21 + 240 \times 21$

12) $27 \times 2 + 27 \times 3 + 27$

13) $48 \times 4 + 48 \times 3 + 48 \times 2 + 48$

14) $247 \times 36 + 247 \times 64$

15) $76 \times 6 + 76 \times 4$

16) $249 \times 101 - 249$

Bài 148. Tính nhẩm:

1) 18×10

2) 62×100

3) 756×1000

4) 97×1000

5) 24×10000

6) 500×100

7) 409×10

8) $470 : 10$

9) $200 : 10$

10) $4000 : 100$

11) $4000 : 1000$

12) $8700 : 100$

13) $54800 : 100$

14) $6750000 : 10000$

15) $36480 : 10$

Bài 144. Tính nhanh:

1) $24 \times 100 : 10$

2) $84600 \times 10 : 10$

3) $347 \times 1000 : 100$

4) $79000 : 1000 \times 100$

5) $86 \times 100 : 100$

6) $4740 \times 1000 : 100$

7) $40000 : 1000 \times 10$

8) $78000 : 10 : 100$

9) $10000 : 100 \times 70$

10) $4970 \times 100 : 1000$

Bài 145. Viết số thích hợp vào ô trống:

1) $4 \times 7 = 7 \times \square$

2) $405 \times 9 = \square \times 405$

3) $3 \times 9 = 3 \times \square$

4) $5017 \times 3 = \square \times 5017$

5) $b \times \square = \square \times b = b$

6) $c \times \square = \square \times c = 0$

Bài 146. Tính:

1) 1456×6

2) 20487×7

4×1450

9×1470

Có công mài sắt có ngày nên kim.

3) 40167×8

4) 24518×8

4×1670

9×1449

5) 31300×3

7×245

Bài 147. Tính bằng hai cách:

1) $18 \times (2 + 4)$

2) $25 \times (9 + 1)$

3) $13 \times 4 + 13 \times 5$

4) $35 \times 6 + 35 \times 4$

5) $27 \times (4 - 3)$

6) $124 \times (10 - 2)$

7) $48 \times 5 - 48 \times 2$

8) $572 \times 10 - 572 \times 7$

9) $10 \times 9 \times 8$

10) $5 \times 2 \times 7$

Bài 148: Tính:

1) 1476×40

2) 2407×30

3) 1576×200

4) 24018×50

5) 2437×400

6) 35176×400

7) 1470×200

8) 516×50

9) 2187×70

10) 3497×20

Bài 149: Tìm x biết:

1) $x \times 4 = 4 \times 218$

2) $1965 \times x = 7 \times 1965$

3) $x : 7 = 11270$

4) $10110 : x = 10$

5) $48000 : x = 100$

6) $x : 1243 = 16 + 14$

7) $x : 2 = 487650$

Bài 150:

1) Một đội xe có 5 xe tải, mỗi xe chở 15 thùng hàng, mỗi thùng có 2 máy bơm. Hỏi đội xe đó chở bao nhiêu máy bơm?

2) Mỗi ngày có 24 giờ, mỗi giờ có 60 phút. Hỏi:

a) 3 ngày có bao nhiêu phút?

b) 6 ngày có bao nhiêu phút?

c) 10 ngày có bao nhiêu phút?

3) Một hình chữ nhật có chiều dài 80 cm, chiều rộng bằng một nửa chiều dài. Tính diện tích hình chữ nhật đó?

4) Có 9 phòng học, mỗi phòng học có 10 bộ bàn ghế, mỗi bộ bàn ghế có 2 học sinh đang ngồi học. Hỏi có tất cả bao nhiêu học sinh đang ngồi học?

Có công mài sắt có ngày nên kim.

- 5) Mỗi Ki-lô-gam gạo tẻ giá 4100 đồng, mỗi ki-lô-gam gạo nếp giá 6400 đồng. Hỏi nếu mua 4 kg gạo tẻ và 3 kg gạo nếp thì hết tất cả bao nhiêu tiền?
- 6) Mỗi cây thước giá 1200 đồng, mỗi quyển vở giá 2500 đồng. Hỏi nếu mua 10 cây thước và 10 quyển vở thì phải trả bao nhiêu tiền?
- 7) Một bao gạo cân nặng 40 kg, một bao đường cân nặng 50 kg. Một xe ô tô chở 20 bao gạo và 30 bao đường. Hỏi xe ô tô đó chở tất cả bao nhiêu gạo và đường?

B. BÀI TẬP NÂNG CAO**Bài 151.** So sánh

- 1) $\overline{aa} \times b$ và $\overline{bb} \times a$
- 2) $\overline{aaa} \times b$ và $\overline{bbb} \times a$
- 3) $\overline{aaaa} \times b$ và $\overline{bbbb} \times a$

Bài 152. Tìm x, biết:

- 1) $(x - 24) \times 1468 = 1468 \times 3$
- 2) $2 \times (x + 450) = 1005 \times 2$
- 3) $(4 + x) \times 1000 = 468000$
- 4) $78900 : (x - 7) = 100$
- 5) $x \times \overline{bb} = 66 \times b$
- 6) $x \times \overline{aa} = 44 \times a$
- 7) $x \times \overline{aa} = 77 \times a$

Bài 153.

- 1) Tích của hai số tròn trăm là 190000. Tìm hai số đó
- 2) Tích của hai số tròn trăm là 170000. Tìm hai số đó
- 3) Tích hai số tròn trăm là 130000. Tìm hai số đó

Bài 154.

- 1) Tích của hai số bằng 1476. Nếu gấp một thừa số lên 5 lần thì tích mới là bao nhiêu?
- 2) Tích của hai số bằng 47650. Nếu gấp một thừa số lên 4 lần thì tích mới là bao nhiêu?
- 3) Tích của hai số bằng 9870. Nếu gấp một thừa số lên 10 lần thì tích mới là bao nhiêu?
- 4) Tích của hai số bằng 415. Nếu gấp một thừa số lên 20 lần thì tích mới là bao nhiêu?

Bài 155. Tìm x biết:

- 1) $x \times a = \overline{aaa}$
- 2) $x \times a = \overline{aaaa}$
- 3) $x \times a = \overline{aaaaa}$
- 4) $x \times a = \overline{a0a0}$
- 5) $x \times a = \overline{a0a0aa}$

Có công mài sắt có ngày nên kim.